

UBND HUYỆN THANH THỦY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN CHỈ ĐẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
LIÊN NGÀNH VỀ
AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 02 /KH-BCĐ

Thanh Thủy, ngày 24 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, hậu kiểm An toàn thực phẩm năm 2020 của huyện Thanh Thủy

Căn cứ Kế hoạch số 937/KH-BCĐ ngày 13/3/2020 của Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh Phú Thọ về An toàn thực phẩm năm 2020 về kiểm tra, hậu kiểm An toàn thực phẩm năm 2020 của tỉnh Phú Thọ. Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện Thanh Thủy xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn huyện với những nội dung sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

I. Mục đích.

1. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP ở các cấp, thông qua hoạt động kiểm tra, hậu kiểm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; triển khai hoạt động kiểm tra, hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm; đánh giá trách nhiệm đơn vị, cá nhân trong thực hiện quản lý nhà nước về ATTP theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền.

2. Đánh giá việc chấp hành pháp luật về ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển thực phẩm; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, đặc biệt là bếp ăn tập thể các doanh nghiệp, trường học và ATTP tại các lễ hội, hội chợ, sự kiện, kinh doanh thức ăn đường phố; kiểm soát hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh và quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, kiểm soát ATTP các sản phẩm có nguy cơ cao: Thịt và các sản phẩm từ thịt, bia, rượu, cồn và đồ uống có cồn, nước giải khát, bánh, mứt, kẹo, rau, củ, quả, và sản phẩm rau củ quả, thủy sản, sản phẩm thủy sản, phụ gia thực phẩm v.v... và các sản phẩm thực phẩm theo phân công trách nhiệm quản lý của các ngành. Trên cơ sở đó, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đảm bảo ATTP đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá tình hình về ATTP đối với các nhóm thực phẩm lưu thông trên thị trường nhằm đề xuất giải pháp quản lý phù hợp.

4. Thông qua việc kiểm tra, hậu kiểm tại các cơ sở thực phẩm, đánh giá việc cấp các loại giấy phép về ATTP (Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo, việc tự công bố sản phẩm...).

5. Qua công tác kiểm tra, hậu kiểm tiếp tục tuyên truyền chính sách pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ATTP: Điều 317 Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2018; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Chỉ thị số 13/CT-TTg của Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP; Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 43/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về quản lý ATTP thuộc trách nhiệm Bộ Công Thương và các văn bản quy phạm pháp luật khác mới ban hành.

6. Công tác kiểm tra, hậu kiểm phải ngăn chặn được cơ bản tình trạng sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm an toàn; phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

II. Yêu cầu.

1. Kiểm tra, hậu kiểm việc chấp hành các quy định về bảo đảm ATTP của các cơ sở thực phẩm; trong quá trình kiểm tra, hậu kiểm tại cơ sở, kết hợp kiểm tra hoạt động của UBND (Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP) nhằm nắm bắt tình hình công tác quản lý về ATTP ở các xã, thị trấn.

2. Kiểm tra, hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm các sản phẩm thuộc diện phải thực hiện công bố sản phẩm đã đăng ký bản công bố, tự công bố hoặc chưa thực hiện công bố theo quy định, sản phẩm sản xuất tại các cơ sở chưa được cấp một trong các giấy chứng nhận: GMP, HACCP, ISO 22000... và kiểm soát ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện miễn cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

3. Kết hợp kiểm tra, hậu kiểm hồ sơ và lấy mẫu kiểm nghiệm chỉ tiêu ATTP; kiểm soát chặt chẽ hồ sơ công bố sản phẩm, trình tự công bố, phiếu kết quả kiểm nghiệm thực phẩm, việc ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm, các chỉ tiêu ATTP do cơ sở áp dụng khi tự công bố hoặc đăng ký bản công bố sản phẩm.

4. Triển khai kiểm tra, hậu kiểm ở tất cả các cấp, liên tục trong năm; phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ngành, các cấp, tránh sự chồng chéo, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH.

I. Triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm.

1. Kiểm tra liên ngành.

1.1. Đối tượng.

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và các sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường;

- Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về ATTP tại UBND các xã, thị trấn.

1.2. Thời gian và tổ chức các đoàn.

- Cấp huyện:

Căn cứ kế hoạch của tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP huyện thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành trong các đợt cao điểm (mời đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện tham gia đoàn) và khi có chỉ đạo, yêu cầu và phối hợp chặt chẽ với các đoàn của tỉnh khi kiểm tra tại địa bàn.

- Cấp xã:

Căn cứ kế hoạch của UBND huyện các xã, thị trấn thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành của địa phương tiến hành kiểm tra tại địa bàn, phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành huyện kiểm tra ATTP trên địa bàn khi có yêu cầu.

2. Kiểm tra, hậu kiểm chuyên ngành:

2.1. Phòng Y tế:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, quảng cáo thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn;

- Các nhóm sản phẩm thực phẩm: Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm; thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung, sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

- Kiểm tra sau công bố một số sản phẩm thực phẩm chế biến bao gói sẵn để ăn ngay có nguy cơ cao về ATTP (thịt chua, giò, chả, bánh mứt kẹo...).

2.2. Phòng Nông nghiệp & PTNT:

- Cơ sở thực phẩm: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản (chè, rau, quả, thịt, thủy sản, nông sản khác...).

- Sản phẩm thực phẩm: Nguồn gốc, chất lượng nông sản thực phẩm thuộc ngành Nông nghiệp & PTNT quản lý.

2.3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng:

- Cơ sở thực phẩm: Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển thực phẩm; các chợ, siêu thị và các cơ sở phân phối hàng hóa thực phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý.

- Sản phẩm thực phẩm: Rượu thủ công, bún, bánh phở, bánh sinh nhật thuộc phạm vi quản lý...

2.4. UBND các xã, thị trấn:

Kiểm tra, hậu kiểm chuyên ngành định kỳ các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn các xã, thị trấn.

Kiểm tra đột xuất khác theo chỉ đạo hoặc yêu cầu của UBND huyện.

II. Trọng tâm hoạt động kiểm tra, hậu kiểm.

1. Đối với việc bảo đảm chất lượng thực phẩm.

1.1. Tập trung kiểm soát chất lượng thực phẩm trong các khâu: Nguồn gốc nguyên liệu, vận chuyển, bảo quản; quá trình sản xuất, chế biến; nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; việc sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, hương liệu, phẩm màu trong chế biến thực phẩm; chất cấm trong chăn nuôi; kiểm soát việc sử dụng kháng sinh, thuốc thú y, hóa chất bảo vệ thực vật; tiếp tục kiểm soát việc sử dụng salbutamol trong chăn nuôi, chất vàng ô trong chế biến thực phẩm; kiểm soát thực phẩm là hàng giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng, nhập lậu; kiểm soát các nhóm sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo văn bản số 1693/BYT-QLD ngày 29/3/2019 của Bộ Y tế.

1.2. Lấy mẫu kiểm nghiệm và đánh giá kết quả:

- Lấy mẫu kiểm nghiệm:

- Trưởng đoàn kiểm tra, hậu kiểm các cấp căn cứ vào các yếu tố nguy cơ mất ATTP quyết định việc lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình kiểm tra, hậu kiểm.

- Kiểm nghiệm mẫu: Sử dụng bộ test nhanh ATTP để sàng lọc một số chỉ tiêu trong thực phẩm, nếu phát hiện mẫu không đạt hoặc mẫu thực phẩm nghi ngờ sẽ lấy mẫu gửi các Phòng hoặc Trung tâm kiểm nghiệm, phân tích đã được chỉ định để kiểm nghiệm.

2. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm.

Kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh; tự công bố hoặc đăng ký bản công bố sản phẩm; ghi nhãn sản phẩm; quảng cáo thực phẩm được quy định tại:

- Luật ATTP năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về ghi nhãn hàng hóa; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Quảng cáo; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 về kinh doanh Rượu và các Nghị định có liên quan khác về ATTP thuộc lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT, Công Thương.

- Các Thông tư về ATTP của Bộ Y tế: Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 quy định về quản lý thực phẩm chức năng; Thông tư số

23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Thông tư 14/2011/TT-BYT ngày 01/4 /2011 của Bộ Y tế hướng dẫn chung lấy mẫu phục vụ thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Các Thông tư về ATTP của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 quy định về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Các Thông tư về ATTP của Bộ Công Thương: Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BCT ngày 09/02/2018 quy định về quản lý giữa Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, ATTP có liên quan đến phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 quy định về quản lý ATTP thuộc trách nhiệm Bộ Công thương và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về ATTP.

Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP các xã, thị trấn. Nội dung kiểm tra tập trung vào:

- Việc triển khai công tác bảo đảm ATTP theo chức năng nhiệm vụ được giao. Cấp và thu hồi các giấy chứng nhận liên quan về ATTP: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và các hồ sơ, giấy tờ liên quan khác theo quy định.

- Việc triển khai hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP. Công tác giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm; điều tra, xử lý khắc phục sự cố về ATTP.

4. Xử lý vi phạm về ATTP.

4.1. Xử lý vi phạm:

Các Đoàn kiểm tra, hậu kiểm khi phát hiện các vi phạm pháp luật về ATTP phải xử lý nghiêm đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để thực phẩm không đảm bảo an toàn, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu lưu thông trên thị trường. Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả một cách quyết liệt như: Đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm về ATTP, tịch thu tang vật, tạm dừng lưu thông, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về ATTP; thu hồi các loại giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền; công khai danh tính các cơ sở vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

4.2. Căn cứ để xử lý vi phạm:

Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 để quy định cụ thể về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về ATTP; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo; Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 sửa đổi, bổ định một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng;

III. Bảo đảm kinh phí.

Kinh phí cho công tác kiểm tra, hậu kiểm do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. Tổ chức thực hiện.

1. Cấp huyện.

Các phòng: Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Kinh tế - Hạ tầng thành lập các đoàn và tổ chức kiểm tra liên ngành, chuyên ngành về ATTP theo trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm được phân công; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra, hậu kiểm theo quy định.

2. UBND cấp xã.

Căn cứ tình hình thực tế công tác đảm bảo ATTP tại địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, hậu kiểm theo quy định.

3. Báo cáo kết quả.

Các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Kinh tế - Hạ tầng và UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, hậu kiểm ATTP của ngành, địa phương gửi về Ban Chỉ đạo huyện (qua phòng Y tế). Trong đó:

- Báo cáo kết quả các đợt cao điểm về ATTP như dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động, Tết Trung thu thực hiện theo thời gian quy định ghi trong kế hoạch kiểm tra Tết Nguyên đán, Tháng hành động và Tết Trung thu năm 2020.

- Báo cáo 6 tháng: Gửi trước ngày 15/6/2020.

- Báo cáo năm 2020: Gửi trước ngày 15/12/2020.

Phòng Y tế có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra, hậu kiểm ATTP của toàn huyện theo từng đợt; báo cáo UBND tỉnh (Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP) theo quy định.

Yêu cầu các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả theo đúng quy định./. *H*

Nơi nhận:

- TT HU, TTHĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các thành viên BCĐ huyện;
- Các phòng, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *Gy*

TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Dương Quốc Lâm

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số...../BC- Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm
.....tháng năm 2020

I. Công tác chỉ đạo: (nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành tỉnh thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm:

Trong đó:

1.1. Số đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm tuyến tỉnh:

1.2. Số đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm tuyến huyện:

1.3. Số đoàn kiểm tra, hậu kiểm tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				
2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống				
	Tổng số (1 + 2 + 3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo		
	Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành		

*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm/bản tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm.			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm nhanh			
2	Xét nghiệm tại labo			
2.1	Hóa lý			
2.2	Vi sinh			
	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 - 4.

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể).